

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019

KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC HÀNH VỀ NĂNG LỰC, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
001	5	H01	Nguyễn Trần Trường An	02/01/1997	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Việt Đức	56,75	
002	5	H03	Trịnh Thị Quỳnh Anh	04/10/1990	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	57,25	
003	5	H04	Lê Thị Anh	08/11/1997	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	88,25	
004	5	H05	Nguyễn Thị Trâm Anh	19/07/1993	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	81,75	
005	5	H08	Hoàng Thị Châm	18/07/1989	Nữ	San Chí	Hóa học	THPT Ea Rôk	70,75	
006	5	H09	Võ Thị Hương Châu	03/09/1988	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Việt Đức	78,25	
007	5	H11	Phạm Ngọc Chiến	06/05/1990	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh	52,25	
008	5	H12	Y Det Tor	31/01/1997	Nam	MNông	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh	56,25	
009	5	H15	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11/11/1987	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	59,00	
010	5	H16	Hương Thị Dung	29/05/1991	Nữ	Nùng	Hóa học	THPT Trần Phú	24,00	
011	5	H17	Mai Quỳnh Dung	12/10/1995	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	52,00	
012	5	H18	Trương Công Dũng	20/06/1981	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành	53,00	
013	5	H19	Nguyễn Nam Đông	21/01/1991	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Huệ	52,50	
014	6	H22	Lê Thị Hằng	15/04/1988	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ	32,00	
015	6	H24	Nguyễn Trung Hiếu	16/10/1997	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng	41,75	
016	6	H26	Trần Thị Hồng	08/11/1995	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	55,25	
017	6	H27	Lê Thị Huệ	05/02/1992	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng	57,75	
018	6	H28	Phan Thị Thanh Hương	01/02/1995	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	55,00	
019	6	H29	Nguyễn Thị Hương	20/03/1993	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	56,00	
020	6	H30	Hoàng Thị Huyền	03/03/1994	Nữ	Nùng	Hóa học	THPT Nguyễn Bình Khiêm	69,50	
021	6	H31	Trần Thị Tuyết Khuyến	02/02/1988	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ	82,50	
022	6	H32	Thái Thị Kỳ	02/12/1990	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Việt Đức	50,75	
023	6	H35	Nguyễn Thuý Kiều Lan	13/03/1988	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	66,00	
024	6	H36	Phạm Thị Lê	23/08/1997	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành	57,25	
025	6	H38	H Linh Niê	05/12/1993	Nữ	MNông	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh	51,50	
026	6	H39	Nguyễn Thị Lợi	03/03/1991	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Bình Khiêm	61,25	
027	6	H40	Trần Văn Luân	10/04/1992	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	39,75	
028	7	H41	Đỗ Thị Ngọc Mai	22/12/1987	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng	60,25	
029	7	H44	Khuông Thị Mỹ	01/02/1990	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	53,75	
030	7	H45	Ngô Thị Ly Na	11/12/1989	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành	71,88	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
031	7	H46	Đàm Thị Bích Ngọc	06/11/1989	Nữ	Nùng	Hóa học	THPT Ea Rók	58,25	
032	7	H48	Nguyễn Thị Thuý Ngọc	07/10/1989	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng	61,25	
033	7	H49	Đỗ Thị Thanh Nhân	19/02/1996	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Việt Đức	68,75	
034	7	H52	Lê Thị Quỳnh Như	19/02/1995	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành	72,25	
035	7	H53	Hà Thị Kiều Oanh	07/11/1993	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng	83,75	
036	7	H54	Dương Hồng Phi	12/02/1987	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	58,25	
037	7	H56	Phan Thị Phương	03/09/1994	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	69,00	
038	7	H57	Cù Thị Quyên	20/06/1990	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng	71,25	
039	7	H59	Bùi Công Sơn	05/01/1989	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Việt Đức	53,50	
040	7	H60	Phạm Thị Thanh Tâm	27/05/1998	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	65,50	
041	8	H61	Ngô Thị Tâm	17/05/1992	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ	70,25	
042	8	H62	Phùng Minh Huy Thanh	05/10/1992	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	52,25	
043	8	H63	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/02/1994	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Huệ	57,25	
044	8	H66	Lê Thị Thảo	10/06/1997	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ	70,75	
045	8	H67	Dương Anh Thu	05/12/1993	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	88,50	
046	8	H68	Nguyễn Thị Anh Thư	03/02/1996	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	66,00	
047	8	H69	Trần Văn Thuận	10/07/1992	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	68,75	
048	8	H70	Trần Thị Thuởng	08/12/1992	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng	82,75	
049	8	H71	Phan Thị Thu Thủy	19/06/1991	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Bình Khiêm	64,25	
050	8	H74	Nguyễn Thúy Minh Thùy	25/08/1997	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	75,75	
051	8	H75	Võ Thị Thanh Thùy	01/05/1991	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Lắc	69,75	
052	8	H76	Nguyễn Thanh Thùy	18/02/1997	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	51,00	
053	8	H77	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/07/1989	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh	84,75	
054	9	H81	Hoàng Thị Việt Trinh	28/03/1996	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	62,75	
055	9	H83	Mã Quang Trung	09/04/1988	Nam	Tày	Hóa học	THPT Ea Rók	53,75	
056	9	H84	Nguyễn Thành Trung	06/01/1991	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	60,50	
057	9	H85	Lê Huy Tùng	23/03/1984	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh	58,75	
058	9	H86	Lê Thị Thùy Tuyên	13/08/1992	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	50,50	
059	9	H87	Nguyễn Minh Tuyên	15/04/1990	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Ea Rók	51,00	
060	9	H88	H Ứm Niê Kdăm	17/02/1986	Nữ	Êđê	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành	50,25	
061	9	H90	Nguyễn Thị Thùy Uyên	02/10/1993	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ	54,50	
062	9	H91	Lê Thị Cẩm Vân	06/10/1995	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	56,75	
063	9	H93	Trần Lê Việt	13/08/1989	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	86,25	
064	9	H94	Nông Thị Xanh	17/07/1992	Nữ	Nùng	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành	74,50	
065	9	H95	Hoàng Thị Thân Xuân	09/03/1991	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ	78,50	
066	9	H96	Nguyễn Việt Xuân	26/03/1997	Nam	Kinh	Hóa học	THPT Trần Phú	50,50	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
067	9	H97	Trần Thị Như Ý	15/11/1992	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Việt Đức	69,50	
068	9	H99	Trịnh Thị Hoàng Yên	25/12/1997	Nữ	Kinh	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh	60,50	
069	9	TA01	Nguyễn Thị Thái An	07/07/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Lê Hồng Phong	79,00	
070	9	TA02	Nguyễn Đỗ Vân Anh	12/04/1996	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Cừ	51,50	
071	9	TA04	Phan Nhật Chi	11/10/1994	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm	93,00	
072	9	TA05	Phan Thị Dàng	01/04/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh	46,00	
073	10	TA07	Sạch Thị Dương	26/02/1996	Nữ	Nùng	Tiếng Anh	THPT Ea Rók	34,50	
074	10	TA08	Bùi Thị Hồng Dương	14/12/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Cư M'gar	51,50	
075	10	TA09	Trần Hồng Ánh Dương	22/08/1994	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Ea Rók	45,50	
076	10	TA10	Quách Thị Hạnh Duyên	16/07/1991	Nữ	Mường	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh	54,50	
077	10	TA11	Trần Thị Ngọc Hà	05/07/1995	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Phan Đình Phùng	61,50	
078	10	TA13	Hoàng Thị Hiền	22/07/1994	Nữ	Mường	Tiếng Anh	THPT Tôn Đức Thắng	62,00	
079	10	TA14	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/05/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Lắc	86,00	
080	10	TA15	Nguyễn Hồng Diệu Hoa	20/06/1991	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Cừ	65,50	
081	10	TA18	Hà Thị Thu Hường	04/11/1987	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Phan Đình Phùng	67,50	
082	10	TA19	Nguyễn Thị Xuân Huyền	23/10/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Tôn Đức Thắng	52,00	
083	10	TA21	Trần Thị Linh	12/03/1996	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Ea Rók	58,00	
084	10	TA22	Nguyễn Thị Phương Linh	18/04/1996	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Ea Rók	64,50	
085	10	TA23	Trần Thị Diệu Linh	17/05/1996	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Cư M'gar	89,50	
086	10	TA24	Trần Thị Thảo Linh	16/09/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Trường Chinh	54,00	
087	10	TA26	Nguyễn Thị Lọt	01/02/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Tất Thành	65,00	
088	10	TA27	Thân Thị Mến	10/04/1989	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình	61,00	
089	10	TA28	Nguyễn Thị Trà Mi	09/02/1990	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình	68,00	
090	10	TA29	Lê Thị Ngọc Minh	25/05/1989	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	70,50	
091	11	TA30	Nguyễn Ayn Thùy My	28/08/1994	Nữ	Êđê	Tiếng Anh	THPT Cư M'gar	59,00	
092	11	TA31	Nông Thị Nga	06/07/1992	Nữ	Tày	Tiếng Anh	THPT Buôn Đôn	72,00	
093	11	TA32	Nguyễn Thị Thúy Nga	24/10/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh	54,00	
094	11	TA33	Nguyễn Thị Ngọc	11/04/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình	60,00	
095	11	TA36	Nguyễn Thị Yên Nhung	08/08/1987	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Lê Hồng Phong	61,50	
096	11	TA37	Đỗ Kim Oanh	24/10/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Buôn Đôn	73,00	
097	11	TA38	Phạm Văn Phước	31/08/1997	Nam	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Tất Thành	51,50	
098	11	TA39	Nguyễn Thị Thảo Phương	21/08/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình	42,00	
099	11	TA40	Đoàn Lê Chi Sa	03/01/1995	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm	49,00	
100	11	TA41	Hồ Thị Bích Sang	17/06/1994	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Cư M'gar	51,50	
101	11	TA43	Hoàng Thị Thanh	10/08/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Lắc	34,00	
102	11	TA44	Phan Thị Anh Thu	26/03/1990	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	44,00	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
103	11	TA46	Lê Minh Thùy	04/04/1993	Nữ	Mường	Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo	61,00	
104	11	TA48	Hà Thị Thu Thủy	18/07/1989	Nữ	Tày	Tiếng Anh	THPT Ea Rók	64,00	
105	11	TA51	Lê Thị Tường Vi	19/06/1991	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Phan Đình Phùng	48,50	
106	11	TA52	Dương Trúc Vi	07/02/1996	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm	58,50	
107	11	TA53	Hoàng Thị Vườn	08/10/1991	Nữ	Tày	Tiếng Anh	THPT Ea Rók	48,50	
108	12	SU01	Ktul H' Bonn	21/11/1989	Nữ	Êđê	Lịch sử	THPT Trần Phú	38,00	
109	12	SU02	Huỳnh Thị Lan Chi	09/06/1992	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Nguyễn Bình Khiêm	46,50	
110	12	SU03	H' Choeh Kbuôr	13/03/1991	Nữ	Êđê	Lịch sử	THPT Trần Phú	34,00	
111	12	SU04	Đặng Thị Vương Chuyên	22/03/1991	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ	46,25	
112	12	SU05	Nguyễn Thị Kim Cúc	29/09/1987	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt	53,00	
113	12	SU06	H' Djuyn Ktla	31/01/1991	Nữ	Êđê	Lịch sử	THPT Trần Phú	45,25	
114	12	SU07	Trần Xuân Dũng	20/10/1983	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT Trần Phú	41,00	
115	12	SU08	Hoàng Thị Duyên	10/05/1993	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt	43,25	
116	12	SU09	Đặng Thị Việt Hà	05/03/1988	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ	61,00	
117	12	SU11	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/07/1988	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo	38,00	
118	12	SU12	Trương Thị Hằng	06/11/1994	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo	38,25	
119	12	SU14	Trịnh Thị Diệu Huyền	10/08/1989	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt	39,50	
120	12	SU15	Phạm Thị Luyên	10/08/1987	Nữ	Mường	Lịch sử	THPT Ea Súp	56,75	
121	12	SU17	Hồ Thị Thanh Quý	20/03/1993	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Ea Súp	50,50	
122	12	SU18	Nguyễn Thị Lệ Quyên	05/10/1988	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Ea Súp	53,75	
123	12	SU19	Nông Thị Thương	06/01/1998	Nữ	Tày	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ	29,00	
124	12	SU20	Phạm Thị Thùy	22/12/1991	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt	50,75	
125	12	SU21	Lã Thị Tình	20/12/1990	Nữ	Tày	Lịch sử	THPT Nguyễn Bình Khiêm	39,00	
126	12	SU22	Nguyễn Thị Trang	15/02/1990	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ	50,00	
127	12	SU23	Trương Trọng Tuấn	14/09/1994	Nam	Nùng	Lịch sử	THPT Trần Phú	36,00	
128	12	SU24	Bùi Thị Vân	16/04/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt	35,50	
129	13	V03	Nguyễn Thị Dung	10/10/1991	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	75,25	
130	13	V04	Võ Thùy Dương	30/01/1994	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng	60,25	
131	13	V05	Nguyễn Thị Hương Duyên	26/03/1984	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	85,50	
132	13	V06	Lang Thị Duyên	15/04/1992	Nữ	Thái	Ngữ văn	THPT Ea Rók	81,00	
133	13	V08	Đinh Thị Hà	02/02/1988	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Lắc	53,00	
134	13	V11	Nguyễn Thị Hòa	10/06/1985	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	82,00	
135	13	V13	Bùi Thị Hương	10/08/1983	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng	72,00	
136	13	V14	Lữ Văn Khăm	06/06/1986	Nam	Thái	Ngữ văn	THPT Ea Rók	94,50	
137	13	V15	H' Khoa Mlô	12/07/1992	Nữ	Êđê	Ngữ văn	THPT Ea Rók	67,25	
138	13	V16	Bùi Thị Kiều	20/05/1991	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	75,50	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
139	13	V19	H Lý Cil	20/11/1997	Nữ	MNông	Ngữ văn	THPT LẮk	69,50	
140	13	V21	H' Muôi Byă	09/09/1990	Nữ	Êđê	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	56,00	
141	13	V23	Nguyễn Thị Thanh Nga	01/10/1987	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng	31,50	
142	13	V24	Dương Thị Nguyên Ngọc	04/02/1990	Nữ	Tày	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	46,00	
143	14	V26	Đào Phương Nhân	06/12/1997	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Cừ	83,50	
144	14	V27	H' Nhìn Ayun	12/01/1992	Nữ	Êđê	Ngữ văn	THPT Ea Rók	66,00	
145	14	V29	Vi Thị Nhung	04/09/1995	Nữ	Nùng	Ngữ văn	THPT Ea Rók	58,50	
146	14	V31	Hồ Thị Phương Oanh	10/10/1992	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo	74,00	
147	14	V32	H' Try Phen-Ktla	22/02/1995	Nữ	Êđê	Ngữ văn	THPT Ea Rók	64,00	
148	14	V33	Y Phong Phôk	10/05/1995	Nam	MNông	Ngữ văn	THPT LẮk	46,50	
149	14	V34	Nguyễn Thị Minh Phương	14/07/1997	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Ea Rók	67,50	
150	14	V35	Hà Thị Nhã Phương	12/07/1988	Nữ	Thái	Ngữ văn	THPT Ea Rók	73,50	
151	14	V37	Bùi Thị Tâm	23/07/1990	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng	48,50	
152	14	V42	Nguyễn Thị Thúy	25/12/1990	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT LẮk	48,50	
153	14	V43	Phạm Thị Thủy	25/11/1987	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Cừ	64,00	
154	14	V45	Đỗ Thị Trang	10/08/1989	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	82,25	
155	14	V46	Vũ Thị Đài Trang	25/12/1995	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Ea Rók	63,50	
156	14	V47	Lê Thị Ánh Tuyết	24/01/1993	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi	66,00	
157	15	D01	H' Bũm ÊBan	01/01/1991	Nữ	Êđê	Địa lí	THPT Trần Quang Khải	50,25	
158	15	D03	Nguyễn Văn Dương	01/03/1997	Nam	Kinh	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	29,50	
159	15	D04	H Gôp Kriêng	22/10/1991	Nữ	Êđê	Địa lí	THPT Krông Bông	56,00	
160	15	D07	Hồ Thị Thu Hiền	08/01/1989	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Hùng Vương	27,50	
161	15	D08	Triệu Thị Khánh Hòa	16/10/1995	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Krông Bông	49,25	
162	15	D09	Nhữ Thị Huệ	21/08/1992	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	56,25	
163	15	D10	Phạm Thị Hương	20/10/1991	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Krông Bông	56,00	
164	15	D11	Nguyễn Thị Huyền	10/01/1997	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	56,25	
165	15	D12	Đàm Thị Khánh	06/01/1983	Nữ	Tày	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	55,75	
166	15	D14	Hứa Thị Lân	23/04/1989	Nữ	Nùng	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	34,50	
167	15	D15	H Lẽ Adrong	13/03/1998	Nữ	Êđê	Địa lí	THPT Buôn Đôn	51,50	
168	16	D16	Nguyễn Thị Loan	20/02/1992	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Trần Quang Khải	29,75	
169	16	D17	Võ Thị Lộc	02/01/1992	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Buôn Đôn	64,75	
170	16	D18	Nguyễn Thị Lý	01/01/1990	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	49,00	
171	16	D19	Lương Thị Mùi	01/07/1987	Nữ	Tày	Địa lí	THPT Trần Quang Khải	54,63	
172	16	D20	H' My Rian Êban	05/06/1995	Nữ	Êđê	Địa lí	THPT Buôn Đôn	49,25	
173	16	D22	Nguyễn Thị Nghĩa	15/04/1997	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	52,50	
174	16	D23	Nguyễn Yến Nhi	06/08/1997	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Buôn Đôn	42,00	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
175	16	D24	Nông Thị Ngọc Như	27/07/1992	Nữ	Nùng	Địa lí	THPT Trần Quang Khải	42,38	
176	16	D25	H' Nuch Btô	07/09/1991	Nữ	Êđê	Địa lí	THPT Hùng Vương	52,00	
177	16	D26	Lý Thị Nương	18/08/1988	Nữ	Tày	Địa lí	THPT Buôn Đôn	61,90	
178	16	D28	Trần Thị Thanh Thảo	01/02/1987	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Hùng Vương	53,50	
179	16	D29	Lương Thị Mai Thi	15/04/1992	Nữ	Nùng	Địa lí	THPT Trần Quang Khải	49,40	
180	16	D32	Trần Thị Phương Thúy	26/06/1991	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Krông Bông	46,75	
181	16	D33	H' Thủy KMăn	25/07/1992	Nữ	Êđê	Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành	45,63	
182	16	D34	Sô Y Tiễn	10/03/1992	Nam	Bana	Địa lí	THPT Krông Bông	56,00	
183	16	D35	Nguyễn Thị Tuyết	19/10/1985	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT Trần Quang Khải	24,75	
184	17	SI02	Nguyễn Thị Thanh Bình	25/09/1995	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng	53,25	
185	17	SI03	Trần Nhật Kim Chi	25/07/1996	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành	72,00	
186	17	SI04	H' Danh Mlô	18/10/1993	Nữ	Êđê	Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng	65,00	
187	17	SI06	Nguyễn Thị Hồng Gấm	22/01/1989	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Ea Súp	63,13	
188	17	SI07	Nguyễn Thị Hân	27/05/1993	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh	66,50	
189	17	SI08	Nguyễn Thị Lệ Hằng	20/12/1996	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành	59,20	
190	17	SI09	Nguyễn Thị Bích Hằng	15/05/1987	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng	54,50	
191	17	SI10	Nguyễn Thị Diệu Hiền	07/01/1990	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh	56,38	
192	17	SI12	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/04/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Ea Súp	72,50	
193	17	SI13	Phạm Thị Mỹ Hoa	10/09/1995	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng	72,25	
194	17	SI14	Trần Đức Hoàng	18/12/1993	Nam	Kinh	Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt	67,50	
195	17	SI15	Nguyễn Thị Thanh Huyền	19/09/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh	55,75	
196	17	SI16	Nguyễn Thị Lệ	10/10/1991	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt	47,50	
197	17	SI17	Dương Thị Liên	14/10/1990	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh	54,00	
198	17	SI19	Lê Thị Loan	18/09/1995	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành	54,00	
199	17	SI21	Hoàng Thị Thảo Nhi	01/03/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Ea Rók	52,25	
200	17	SI22	Trần Thị Hồng Nhung	20/03/1987	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh	69,50	
201	17	SI23	Nguyễn Thị Bích Phượng	27/05/1990	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Ea Rók	52,63	
202	17	SI24	Nguyễn Thị Xuân San	12/05/1993	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành	61,75	
203	18	QP01	Hồ Văn Hải	02/09/1996	Nam	Kinh	GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	54,75	
204	18	QP02	Trần Thị Hạnh	11/05/1990	Nữ	Kinh	GDQP-AN	THPT Nguyễn Văn Cừ	72,75	
205	18	QP03	Đào Thị Hương	07/08/1993	Nữ	Kinh	GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	55,50	
206	18	QP04	Bùi Quang Nam	18/04/1992	Nam	Kinh	GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	77,50	
207	18	QP07	Phan Thị Thùy Vân	21/01/1998	Nữ	Kinh	GDQP-AN	THPT Võ Văn Kiệt	51,25	
208	18	SI25	Đoàn Ngọc Sơn	16/02/1993	Nam	Kinh	Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành	48,25	
209	18	SI27	Lê Thị Thu	10/10/1994	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Ea Rók	70,50	
210	18	SI28	Nguyễn Thị Thuở	20/06/1995	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Ea Súp	67,63	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
211	18	SI29	Thái Bé Thùy	12/12/1993	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt	49,38	
212	18	SI30	Trương Thị Anh Trâm	08/06/1996	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng	38,88	
213	18	SI31	Lâm Thị Thiên Trang	17/01/1990	Nữ	Nùng	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh	82,63	
214	18	SI34	Quang Bảo Trang	20/02/1997	Nữ	Tày	Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng	58,00	
215	18	SI35	Nguyễn Thị Thúy Vi	24/02/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT Ea Rôk	41,63	
216	18	SI36	Phan Văn Vương	20/11/1992	Nam	Kinh	Sinh học	THPT Ea Rôk	38,50	
217	18	SI37	Phan Mạnh Vương	26/02/1993	Nam	Kinh	Sinh học	THPT Ea Rôk	22,38	
218	19	MN02	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	13/05/1996	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	80,00	
219	19	MN03	Hồ Thị Lan Anh	14/06/1996	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	72,50	
220	19	MN04	H Cem Hmok	20/07/1996	Nữ	Êđê	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	51,00	
221	19	MN05	Đặng Thị Uyên Chi	12/06/1982	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	65,00	
222	19	MN06	Lê Thị Dung	02/04/1998	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	94,00	
223	19	MN09	H' Duyên Niê	03/04/1995	Nữ	Êđê	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	61,00	
224	19	MN11	Đinh Thị Giang	15/10/1978	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	63,50	
225	19	MN14	Lê Thị Hải	23/08/1995	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	77,50	
226	19	MN15	Trịnh Thị Thảo Hiền	07/02/1999	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	64,00	
227	19	MN16	Thái Mỹ Hoa	28/11/1996	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	77,00	
228	19	MN17	H' Hoan Du	30/10/1993	Nữ	MNông	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	95,00	
229	19	MN18	Nguyễn Thị Bích Hoàng	19/09/1997	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	80,00	
230	20	MN21	Nguyễn Thị Hồng Loan	12/09/1983	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	76,00	
231	20	MN22	Trần Thị Luận	01/08/1992	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	93,00	
232	20	MN24	Lê Hồng Khoa Nhật	26/05/1993	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	91,00	
233	20	MN25	Nguyễn Đặng Quỳnh Như	18/09/1994	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	88,50	
234	20	MN27	Hoàng Thị Cẩm Nhung	13/08/1995	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	95,00	
235	20	MN28	Nguyễn Thị Thanh Phương	26/04/1994	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	62,00	
236	20	MN29	Nguyễn Thị Quế	02/10/1997	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	74,00	
237	20	MN30	Phan Thị Thanh Thanh	20/02/2000	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	90,50	
238	20	MN31	Võ Thị Thi	10/07/1997	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	80,00	
239	20	MN32	Hà Thị Minh Thương	02/09/1988	Nữ	Tày	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	69,50	
240	20	MN35	Nguyễn Thị Trâm	12/09/1991	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	96,00	
241	20	MN36	Nguyễn Thị Trang	04/01/1995	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	74,50	
242	20	MN37	La Thị Huyền Trang	06/08/1991	Nữ	Tày	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	63,50	
243	20	MN38	Đinh Thị Như Trúc	30/09/1990	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	64,00	
244	20	MN39	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23/09/1996	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	90,50	
245	21	MN47	Nông Thị Xuân	07/09/1990	Nữ	Tày	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	89,00	
246	21	MN49	Trần Thị Hồng Yến	18/07/1994	Nữ	Kinh	Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	59,00	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
247	21	TD01	Đoàn Bình An	20/08/1992	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Lê Hồng Phong	66,00	
248	21	TD02	Trần Đức Anh	01/11/1990	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Lê Hồng Phong	51,00	
249	21	TD04	Quách Mạnh Cường	28/08/1996	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Phan Chu Trinh	57,00	
250	21	TD05	Nguyễn Bá Cường	20/08/1992	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Trần Phú	58,00	
251	21	TD06	Nguyễn Thị Diệp	10/05/1993	Nữ	Kinh	Thẻ dự	THPT Nguyễn Huệ	63,00	
252	21	TD07	Vì Văn Dũng	14/02/1988	Nam	Thái	Thẻ dự	THPT Nguyễn Huệ	69,00	
253	21	TD08	Võ Văn Tuấn Em	10/10/1987	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Nguyễn Huệ	63,00	
254	21	TD09	Vũ Nguyễn Hải Hà	23/08/1990	Nữ	Kinh	Thẻ dự	THPT Trần Phú	75,00	
255	21	TD11	Nguyễn Đức Hạnh	01/08/1989	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Nguyễn Huệ	56,00	
256	21	TD12	Cao Hoàng Hiệp	14/02/1991	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Lê Hồng Phong	32,00	
257	21	TD13	Trần Quang Hiệp	19/09/1986	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Trần Phú	42,00	
258	21	TD14	Nguyễn Thị Thu Hoài	03/02/1989	Nữ	Kinh	Thẻ dự	THPT Phan Chu Trinh	75,00	
259	22	TD16	Nguyễn Minh Lâm	15/03/1988	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Phan Chu Trinh	41,00	
260	22	TD17	Phạm Vũ Long	04/07/1988	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Buôn Đôn	72,00	
261	22	TD19	Lê Đại Nghĩa	29/07/1989	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Nguyễn Chí Thanh	61,00	
262	22	TD20	Tôn Văn Nôi	10/03/1988	Nam	Nùng	Thẻ dự	THPT Phan Chu Trinh	56,00	
263	22	TD23	Trịnh Thị Hương Sen	20/01/1991	Nữ	Kinh	Thẻ dự	THPT Buôn Đôn	52,00	
264	22	TD26	Đào Kông Thắng	24/01/1991	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Nguyễn Huệ	52,00	
265	22	TD27	Lê Anh Thắng	15/09/1992	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Nguyễn Huệ	45,00	
266	22	TD29	Đình Văn Thạnh	12/05/1989	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Lê Hồng Phong	50,00	
267	22	TD30	Nguyễn Văn Thuận	14/08/1989	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Phan Chu Trinh	61,00	
268	22	TD31	Phạm Hoàng Thương	22/01/1992	Nữ	Kinh	Thẻ dự	THPT Buôn Đôn	68,00	
269	22	TD32	Phan Thành Tính	30/07/1987	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Nguyễn Chí Thanh	49,00	
270	22	TD33	Trần Đình Toàn	06/07/1994	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Buôn Đôn	55,00	
271	22	TD34	Lê Phước Toàn	21/06/1993	Nam	Kinh	Thẻ dự	THPT Buôn Đôn	61,00	
272	22	TD37	Võ Khắc Vinh	12/09/1991	Nam	MNông	Thẻ dự	THPT Nguyễn Chí Thanh	51,00	
273	23	T01	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/01/1993	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	45,50	
274	23	T02	Phạm Đình Anh	01/01/1993	Nam	Kinh	Toán	THPT Lý Tự Trọng	66,00	
275	23	T04	Trần Thị Hồng Anh	13/10/1993	Nữ	Kinh	Toán	THPT Buôn Đôn	56,25	
276	23	T06	Hoàng Thị Băng	19/02/1990	Nữ	Nùng	Toán	THPT Lê Hồng Phong	40,10	
277	23	T09	Ngô Hữu Chính	14/09/1992	Nam	Kinh	Toán	THPT Trần Hưng Đạo	57,00	
278	23	T11	Phan Phi Công	15/11/1993	Nam	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	51,35	
279	23	T15	Trần Thị Linh Đan	02/10/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT Lý Tự Trọng	51,00	
280	23	T21	Huỳnh Thị Hiền	06/11/1989	Nữ	Kinh	Toán	THPT Tôn Đức Thắng	60,50	
281	23	T22	Phạm Thị Hiền	10/10/1993	Nữ	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Huệ	39,50	
282	23	T24	Phạm Thị Thu Hiền	02/04/1990	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hùng Vương	50,13	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
283	24	T27	Trần Trung Hiếu	06/12/1993	Nam	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	50,50	
284	24	T28	Nguyễn Thị Phương Hoa	29/12/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT Tôn Đức Thắng	41,38	
285	24	T31	Nguyễn Hữu Hoài	17/04/1997	Nam	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh	69,63	
286	24	T32	Nguyễn Thị Kim Huệ	19/11/1991	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	45,75	
287	24	T33	Đặng Thị Minh Huệ	26/09/1991	Nữ	Nùng	Toán	THPT Ea Rôk	41,00	
288	24	T34	Phan Thị Huệ	20/02/1989	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	51,00	
289	24	T35	Nguyễn Mạnh Hùng	28/06/1991	Nam	Kinh	Toán	THPT Lê Hồng Phong	65,63	
290	24	T36	Hà Mạnh Hùng	20/08/1995	Nam	Kinh	Toán	THPT Ea Súp	69,25	
291	24	T37	Trần Hưng	06/09/1994	Nam	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	51,00	
292	24	T38	Võ Thị Hương	09/04/1987	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	59,75	
293	24	T39	Nguyễn Thị Thu Hương	11/09/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	58,25	
294	24	T40	Triệu Thu Hương	12/05/1989	Nữ	Tày	Toán	THPT Ea Rôk	30,87	
295	24	T41	Nguyễn Thị Thúy Hương	26/02/1993	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	50,75	
296	24	T42	Nguyễn Văn Hường	01/09/1986	Nam	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	42,00	
297	24	T43	Nguyễn Minh Huy	19/07/1992	Nam	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	51,63	
298	24	T44	Trần Thanh Huy	05/02/1996	Nam	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	63,00	
299	24	T46	Bùi Thị Ngọc Lan	06/05/1988	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	85,25	
300	24	T47	Đinh Thị Lan	29/07/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	46,25	
301	24	T48	Trịnh Thị Tuyết Lan	10/10/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	51,75	
302	25	T50	Nguyễn Thị Liễu	05/06/1987	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	48,25	
303	25	T51	Phan Thị Liễu	10/04/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT Lê Hồng Phong	66,75	
304	25	T52	Nguyễn Thị Ngọc Linh	19/03/1991	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	59,63	
305	25	T53	Hà Diệu Linh	03/03/1996	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	86,75	
306	25	T54	Ngô Diệu Linh	04/09/1994	Nữ	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	39,88	
307	25	T55	Nguyễn Thị Mỹ Linh	26/01/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	51,25	
308	25	T56	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/10/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT Lê Hồng Phong	57,00	
309	25	T59	Bùi Thị Hiền Lương	17/06/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Súp	54,00	
310	25	T62	Võ Thị Tuyết Mai	15/08/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	68,25	
311	25	T64	Trương Hữu Minh	26/10/1995	Nam	Kinh	Toán	THPT Tôn Đức Thắng	44,38	
312	25	T65	Hoàng Thị Kiều My	13/11/1992	Nữ	Nùng	Toán	THPT Lý Tự Trọng	50,13	
313	25	T66	Đỗ Thị Nam	10/07/1990	Nữ	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	51,75	
314	25	T67	Lê Thị Ngân	16/09/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	55,88	
315	25	T68	Hoàng Thị Bích Ngọc	06/01/1991	Nữ	Kinh	Toán	THPT Lê Hồng Phong	58,88	
316	25	T69	Trần Thị Hồng Ngọc	04/07/1992	Nữ	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Huệ	53,25	
317	26	T73	Nguyễn Hồ Cao Nguyên	12/01/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	39,25	
318	26	T75	Lê Vũ Nhất	29/08/1987	Nam	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh	40,50	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
319	26	T79	Nguyễn Thị Kiều Oanh	15/08/1994	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	50,63	
320	26	T80	Trần Thanh Phong	13/08/1987	Nam	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	54,00	
321	26	T81	Hoàng Văn Phung	12/09/1989	Nam	Nùng	Toán	THPT Ea Rôk	27,88	
322	26	T82	Nguyễn Hoài Phương	22/11/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT Buôn Đôn	50,13	
323	26	T83	Nông Thị Phương	27/05/1995	Nữ	Tày	Toán	THPT Trường Chinh	51,88	
324	26	T84	Nguyễn Vy Phương	20/12/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ	48,38	
325	26	T86	Phan Thị Quý	24/01/1994	Nữ	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ	50,25	
326	26	T87	Vương Phú Quý	27/02/1995	Nam	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ	61,25	
327	26	T88	Đoàn Thị Như Quỳnh	15/02/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	56,00	
328	26	T89	Lê Trung Sơn	23/02/1986	Nam	Kinh	Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh	40,75	
329	26	T90	Võ Thanh Tâm	01/12/1991	Nam	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	58,38	
330	26	T91	Lê Thị Tân	18/11/1992	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	55,75	
331	26	T92	Nguyễn Quyết Thắng	31/08/1990	Nam	Kinh	Toán-Tin	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	51,50	
332	26	T93	Hoàng Văn Thánh	05/06/1986	Nam	Tày	Toán	THPT Tôn Đức Thắng	43,00	
333	26	T94	Trần Thị Phương Thảo	21/09/1996	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	60,50	
334	26	T95	Nguyễn Thị Kim Thảo	10/02/1988	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	53,50	
335	27	T101	Hồ Thị Thanh Thúy	09/03/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT Buôn Đôn	45,75	
336	27	T104	Nguyễn Khả Tiến	13/10/1994	Nam	Kinh	Toán	THPT Lê Hồng Phong	65,25	
337	27	T105	Đào Thị Thanh Tình	19/04/1989	Nữ	Kinh	Toán	THPT Lê Hồng Phong	51,25	
338	27	T106	Đình Thị Huyền Trang	20/03/1988	Nữ	Kinh	Toán	THPT Buôn Đôn	77,75	
339	27	T107	Đào Thị Tú Trinh	26/10/1996	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hùng Vương	39,88	
340	27	T108	Thái Nữ Tú Trinh	28/02/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hùng Vương	39,63	
341	27	T111	Hồ Sỹ Mạnh Trường	05/08/1987	Nam	Kinh	Toán-Tin	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	42,75	
342	27	T113	Ngô Thị Tư Tư	08/03/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	62,25	
343	27	T115	Phạm Minh Tứ	09/09/1989	Nam	Kinh	Toán	THPT Trường Chinh	51,00	
344	27	T118	Bùi Thị Tuyết	04/09/1989	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	68,63	
345	27	T119	Nguyễn Thị Út	21/12/1996	Nữ	Kinh	Toán	THPT Buôn Đôn	57,75	
346	27	T120	Nguyễn Thị Vân	15/10/1992	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	41,50	
347	27	T98	Lưu Thị Lệ Thu	04/01/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT Võ Văn Kiệt	51,00	
348	27	T99	Lưu Văn Thực	07/07/1991	Nam	Nùng	Toán	THPT Ea Rôk	40,63	
349	28	T122	Bùi Thành Vinh	15/11/1988	Nữ	Kinh	Toán	THPT Hồng Đức	39,63	
350	28	T124	Nguyễn Văn Vững	29/10/1993	Nam	Kinh	Toán	THPT Hùng Vương	50,25	
351	28	T125	Nguyễn Văn Vỹ	10/12/1989	Nam	Kinh	Toán	THPT Trần Hưng Đạo	50,75	
352	28	T126	Nguyễn Thị Xuân	28/06/1990	Nữ	Kinh	Toán	THPT Ea Rôk	55,63	
353	28	T129	Kha Thị Yên	28/07/1988	Nữ	Thái	Toán	THPT Trường Chinh	80,75	
354	28	TI01	Hoàng Thị Lợi Giang	10/03/1993	Nữ	Kinh	Tin học	THPT Trần Quang Khải	66,50	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
355	28	TI02	Hà Thị Hà	10/10/1991	Nữ	Thái	Tin học	THPT Nguyễn Tất Thành	68,50	
356	28	TI03	Nguyễn Minh Hoàng	28/07/1987	Nam	Kinh	Tin học	THPT Buôn Ma Thuột	51,00	
357	28	TI04	Nguyễn Tiên Hoàng	22/11/1992	Nam	Kinh	Tin học	THPT Việt Đức	10,00	
358	28	TI05	Trần Mạnh Hùng	07/07/1991	Nam	Kinh	Tin học	THPT Võ Văn Kiệt	85,75	
359	28	TI06	Phạm Ngọc Long	28/02/1987	Nam	Kinh	Tin học	THPT Buôn Ma Thuột	44,25	
360	28	TI07	Trần Thị Yến Nhi	11/12/1992	Nữ	Kinh	Tin học	THPT Lắc	70,00	
361	28	TI08	Phạm Thành Như	18/08/1990	Nam	Kinh	Tin học	THPT Phan Chu Trinh	60,00	
362	28	TI09	Đặng Thị Tiệp	03/06/1989	Nữ	Kinh	Tin học	THPT Phan Chu Trinh	65,25	
363	28	TI10	Võ Sĩ Trung	20/12/1990	Nam	Kinh	Tin học	THPT Việt Đức	86,00	
364	28	TI11	Nông Xuân Trường	08/08/1989	Nam	Tày	Tin học	THPT Phan Chu Trinh	56,75	
365	28	TI12	Ngô Anh Tú	08/10/1990	Nam	Kinh	Tin học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	70,25	
366	28	TI13	Nguyễn Thị Thùy Vân	15/09/1992	Nữ	Kinh	Tin học	THPT Việt Đức	77,75	
367	28	TI15	Nguyễn Khắc Vượng	17/12/1989	Nam	Kinh	Tin học	THPT Phan Chu Trinh	68,50	
368	29	CD01	Trần Thị Kim Dung	09/10/1993	Nữ	Kinh	GDCD	THPT Lắc	69,00	
369	29	CD03	H' Dao Bkrông	02/04/1997	Nữ	Êđê	GDCD	THPT Lắc	69,00	
370	29	CD04	Lê Việt Sinh Điền	29/10/1994	Nam	Kinh	GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ	52,50	
371	29	CD05	Trần Minh Hải	25/11/1996	Nam	Kinh	GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ	60,00	
372	29	CD06	Nguyễn Thị Lương	17/06/1989	Nữ	Kinh	GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ	21,00	
373	29	CD08	H Nghen Royam	27/07/1994	Nữ	MNông	GDCD	THPT Lắc	50,00	
374	29	CD10	Bùi Thị Oanh	30/01/1986	Nữ	Kinh	GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ	70,00	
375	29	CD11	Trần Thị Oanh	25/02/1993	Nữ	Kinh	GDCD	THPT Ea Súp	73,00	
376	29	CD12	Lò Thị Sen	12/03/1996	Nữ	Thái	GDCD	THPT Ea Rók	68,00	
377	29	CD13	Lê Văn Trung	08/02/1989	Nam	Kinh	GDCD	THPT Lắc	50,50	
378	29	CD14	Nguyễn Thanh Vinh	20/05/1989	Nam	Kinh	GDCD	THPT Lắc	78,50	
379	29	ĐB01	Phạm Thị Huệ	10/09/1993	Nữ	Kinh	GD đặc biệt	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật	85,00	
380	29	ĐB02	Đỗ Thị Song	30/06/1995	Nữ	Kinh	GD đặc biệt	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật	67,00	
381	29	ĐB03	Nguyễn Thị Thục Trinh	26/11/1996	Nữ	Kinh	GD đặc biệt	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật	62,00	
382	29	TL02	Vàng Thị Yến Vi	19/05/1987	Nữ	Thái	GD đặc biệt	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật	77,00	
383	30	VL01	Phạm Ngọc Anh	05/04/1992	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	44,88	
384	30	VL02	Vũ Lê Ngọc Anh	10/11/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	58,88	
385	30	VL03	Lương Văn Ba	13/09/1987	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	32,00	
386	30	VL04	Nông Thị Bồ	18/05/1988	Nữ	Nùng	Vật lí	THPT Trần Phú	52,50	
387	30	VL05	Bạch Thị Nữ Công	26/03/1985	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	52,00	
388	30	VL06	Lê Hùng Cường	31/08/1988	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	62,25	
389	30	VL07	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	10/03/1995	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	51,75	
390	30	VL08	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/02/1995	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	50,13	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
391	30	VL09	Đỗ Thị Hồng Hà	23/04/1994	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	62,25	
392	30	VL10	Hoàng Thị Việt Hà	21/04/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	49,13	
393	30	VL11	Nguyễn Thị Thanh Hằng	08/05/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	69,25	
394	30	VL14	Phan Mỹ Hào	18/01/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	62,88	
395	30	VL15	Lý Thị Hậu	16/04/1992	Nữ	Nùng	Vật lí	THPT Việt Đức	59,88	
396	30	VL17	Trần Thị Hiền	21/03/1994	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	50,38	
397	30	VL18	Trần Thị Thu Hiền	16/06/1994	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Ea Súp	78,63	
398	30	VL19	Phạm Thanh Hiệp	02/09/1987	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh	50,00	
399	30	VL21	Thái Thị Hoa	12/09/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo	76,88	
400	30	VL22	Nguyễn Thị Hòa	03/01/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	51,63	
401	30	VL24	Trần Thị Huế	08/04/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Phan Đình Phùng	59,88	
402	31	VL25	Trần Nguyên Hùng	10/08/1993	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	52,50	
403	31	VL26	Nguyễn Việt Hùng	18/10/1986	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Phan Đình Phùng	34,75	
404	31	VL27	Phan Thị Thu Hương	07/04/1984	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	64,63	
405	31	VL29	Nguyễn Thị Thu Hương	22/01/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh	60,63	
406	31	VL30	Lê Thông Huy	10/08/1986	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	44,00	
407	31	VL33	Hồ Thị Mỹ Khanh	20/08/1993	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	48,50	
408	31	VL34	Phan Đình Khôi	07/09/1990	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	73,63	
409	31	VL35	Lê Đình Khôi	03/09/1986	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	68,75	
410	31	VL37	Hoàng Thị Kiểm	12/07/1992	Nữ	Tày	Vật lí	THPT Ea Rók	49,25	
411	31	VL39	Lê Thị Cẩm Lệ	22/02/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Ea Súp	82,00	
412	31	VL40	Trần Nhật Linh	05/04/1990	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	36,13	
413	31	VL41	Khuru Thi Thùy Linh	30/05/1993	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	43,88	
414	31	VL42	Châu Ngọc Long	15/02/1983	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	55,13	
415	31	VL43	Nguyễn Thị Ngọc Mai	17/12/1997	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	64,88	
416	31	VL44	Lê Thị Mai	27/12/1997	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh	56,13	
417	31	VL46	Trần Thị Diệu Minh	02/02/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	49,75	
418	31	VL47	Đào Khả Minh	16/02/1991	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo	61,13	
419	31	VL48	H' Sa Ra Na Mlô	13/08/1993	Nữ	Êđê	Vật lí	THPT Việt Đức	53,13	
420	32	VL49	H' Li Na Mlô	02/03/1993	Nữ	Êđê	Vật lí	THPT Ea Rók	43,00	
421	32	VL50	Ngô Văn Nam	28/11/1993	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	50,25	
422	32	VL51	Trần Thị Ngọc	02/06/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh	49,50	
423	32	VL53	Nguyễn Thị Nhân	02/09/1988	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Chí Thanh	59,75	
424	32	VL54	Nguyễn Thị An Nhân	09/09/1990	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	57,25	
425	32	VL55	Nguyễn Thị Ngọc Nhân	09/06/1994	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	68,38	
426	32	VL56	Trương Thị Ý Nhi	28/12/1997	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	52,00	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
427	32	VL57	Nguyễn Nhật Uyên Nhi	06/12/1998	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Ea Súp	43,00	
428	32	VL58	Khổng Quang Ninh	27/09/1989	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	45,00	
429	32	VL59	Bùi Thị Kim Oanh	20/10/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	62,75	
430	32	VL60	Nguyễn Thanh Pháp	27/03/1989	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	49,75	
431	32	VL61	Nguyễn Bá Phú	01/09/1993	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	26,75	
432	32	VL63	Nguyễn Thị Hoài Phương	06/10/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	61,12	
433	32	VL65	Lê Thị Uyên Phương	15/09/1994	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	63,12	
434	32	VL67	Văn Thị Phương	24/01/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	21,37	
435	32	VL68	Trần Văn Quốc	20/01/1995	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Súp	82,37	
436	32	VL69	Trần Thị Quý	26/09/1993	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Chí Thanh	60,87	
437	32	VL70	Lê Thị Mai Sa	29/07/1985	Nữ	Mường	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	54,62	
438	32	VL71	Phạm Đình Sanh	10/02/1989	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Súp	56,00	
439	32	VL72	Y - Sen Mlô	10/02/1989	Nam	Êđê	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo	44,25	
440	33	VL73	Trần Việt Sự	09/03/1991	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo	59,25	
441	33	VL74	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/04/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	62,25	
442	33	VL75	Trần Minh Tâm	14/01/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	23,75	
443	33	VL76	Phan Hồng Tấn	09/09/1989	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh	67,50	
444	33	VL78	Trịnh Việt Thắng	03/09/1987	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	55,00	
445	33	VL79	Đình Thị Kim Thao	31/05/1993	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	59,00	
446	33	VL80	Lê Thị Thu Thảo	01/09/1989	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	38,25	
447	33	VL81	Lê Thị Dạ Thảo	01/06/1987	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	62,00	
448	33	VL82	Phan Thị Kim Thi	20/09/1995	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo	64,38	
449	33	VL83	Cao Thị Minh Thư	05/04/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	53,25	
450	33	VL84	Nguyễn Ngọc Bích Thư	02/03/1998	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	57,75	
451	33	VL85	Lê Thị Hà Thương	03/02/1992	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Phan Đình Phùng	48,75	
452	33	VL86	Lê Thị Ngọc Thủy	19/01/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	53,50	
453	33	VL88	Nguyễn Lê Hồng Thủy	25/01/1990	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	64,00	
454	33	VL89	Võ Minh Tiên	14/02/1982	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	43,38	
455	33	VL90	Nguyễn Hữu Toàn	12/06/1987	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	63,13	
456	33	VL91	Nguyễn Thị Thùy Trâm	19/07/1993	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	62,75	
457	33	VL92	Phạm Thị Trang	14/10/1990	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo	80,50	
458	34	VL100	Trần Duy Tùng	24/08/1991	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Ea Rók	45,00	
459	34	VL101	Lương Văn Tùng	14/08/1991	Nam	Nùng	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh	56,88	
460	34	VL103	Lê Thị Thanh Tuyên	25/04/1989	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	75,38	
461	34	VL105	Trần Thị Thanh Uyên	02/05/1992	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	89,25	
462	34	VL107	Cao Hoàng Vân	31/05/1990	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	58,00	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm	Ghi chú
463	34	VL108	Lê Thị Viên	26/03/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh	64,00	
464	34	VL109	Phạm Quốc Việt	12/05/1993	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo	62,25	
465	34	VL111	Trần Thị Xuân	29/06/1991	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Buôn Hồ	72,00	
466	34	VL95	Mai Thị Thùy Trang	06/11/1994	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Việt Đức	43,25	
467	34	VL96	Nguyễn Thị Trang	15/03/1996	Nữ	Kinh	Vật lí	THPT Trần Phú	45,00	
468	34	VL98	Lê Quốc Trinh	20/08/1992	Nam	Kinh	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	57,00	

\* Danh sách này gồm có 468 người./.

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 10 năm 2020  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**



*Phạm Đăng Khoa*  
**Phạm Đăng Khoa**  
**GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT**